TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MA** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2022/HNGD-ST
Ngày 19 tháng 7 năm 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MA, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phương**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Lò Văn Ngắm**

2. Ông: **Lường Văn Hưởng**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MA tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Thu – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện MA, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2022/TLST-HN&GĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Họ và tên: Lò Thị M; sinh năm: 1991.
- Nơi cư trú: Bản CN, xã BL, huyện MA, tỉnh Điện Biên (*Có mặt*).

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị M: Bà Lò Thị Khánh H – Trợ giúp viên pháp lý, nơi công tác Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. *(Có mặt)*

2. Bị đơn:

- Họ và tên: Quàng Văn X; sinh năm: 1990.
- Nơi cư trú: Bản CN, xã BL, huyện MA, tỉnh Điện Biên *(Vắng mặt không có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 09/3/2022; tại bản khai của chị M ngày 16/3/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lò Thị M trình bày:

* **Về hôn nhân**: Tôi (M) và anh Quàng Văn X đăng kí kết hôn ngày 12/7/2013 tại UBND xã BL, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Sau khi

cưới tôi và anh X chung sống hạnh phúc một thời gian. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa tôi và anh X càng xấu đi, mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không thành. Từ đầu năm 2021 đến nay tôi và anh X sống ly thân. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện MA giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Quàng Văn X.

*** Về con chung**: Trong quá trình chung sống tôi và anh X có 02 người con chung: Cháu thứ nhất là Quàng Văn L, sinh ngày 21/3/2013; cháu thứ hai là Quàng Thị Ng, sinh ngày 20/10/2015. Hiện tại cả hai cháu đang sống cùng tôi tại Bản CN, xã BL, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Nguyện vọng của tôi là sau khi ly hôn tôi nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu (L và Ng) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về**: Tôi và anh X không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Quàng Văn X; chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về không có như nội dung đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị đã trình bày.

*** Bị đơn: A**nh Quàng Văn X mặc dù được Tòa án triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng anh X vẫn vắng mặt.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Quàng Văn L. Nguyện vọng của cháu là muốn được ở với mẹ.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày**: Yêu cầu của chị M là có căn cứ và hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M cụ thể như sau:

Thứ nhất về hôn nhân: Chị M và anh X lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/7/2013 tại UBND xã BL, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ đầu năm 2021 đến nay chị M và anh X đã sống ly thân. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh X đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M và tuyên bố chị M được ly hôn anh X.

Thứ hai về con chung: Chị M và anh X có hai người con chung: Cháu thứ nhất là Quàng Văn L, sinh ngày 21/3/2013; cháu thứ hai là Quàng Thị Ng, sinh ngày 20/10/2015. Nguyện vọng của chị M sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu (L và Ng) đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng của cháu L muốn được ở với mẹ. Đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng

của chị M và cháu L về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Thứ ba: Trong quá trình chung sống chị M và anh X không có tài sản chung; Nợ chung phải trả, nợ chung lấy về không có.

Về án phí: Chị M là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị M.

*** Quan điểm của đại diện VKSND huyện MA:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tống đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MA, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về hôn nhân**: Tuyên bố chị Lò Thị M được ly hôn anh Quàng Văn X.

- **Con chung**: Giao hai cháu Quàng Văn L, sinh ngày 21/3/2013 và Quàng Thị Ng, sinh ngày 20/10/2015 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về:** Đương sự không có, không yêu cầu giải quyết.

- **Án phí**: Miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự, ý kiến của đại diện VKSND huyện MA. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MA, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 11/3/2022, Tòa án nhân dân huyện MA, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án tiến hành tống đạt cho

bị đơn là anh Quàng Văn X, anh X không có mặt ở nhà, Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn 15 ngày Bị đơn không có ý kiến gì.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, đã tiến hành tống đạt và niêm yết công khai theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và tại buổi hòa giải; ngày 04/5/2022 chị M có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt và niêm yết Quyết định theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 29/6/2022, Nguyên đơn là chị M có mặt, bị đơn là anh Quàng Văn X vắng mặt không có lý do lần thứ nhất, căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vào ngày 19/7/2022.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn là chị Lò Thị M (có mặt); Bị đơn là anh Quàng Văn X vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh X.

[2] Nội dung vụ án:

*** Về hôn nhân**: Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 09/3/2022; bản tự khai và lời trình bày của chị M tại phiên tòa và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử thấy: Chị M và anh X lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/7/2013 tại UBND xã BL, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó chị anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống. Từ đầu năm 2021 chị M và anh X đã sống ly thân. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh X đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị M. Tuyên xử cho chị Lò Thị M được ly hôn với anh Quàng Văn X.

**** Về con chung***: Chị Lò Thị M và anh Quàng Văn X có 02 người con chung: Cháu thứ nhất là Quàng Văn L, sinh ngày 21/3/2013; cháu thứ hai là Quàng Thị Ng, sinh ngày 20/102/15. Hiện tại cả hai cháu đang sống cùng với chị M, tại Bản CN, xã BL, huyện MA, tỉnh Điện Biên

Chị M có nguyện vọng sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu (L và Ng) đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyện vọng của cháu Quàng Văn L muốn được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị M về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

**** Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về***: Chị M và anh X không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị M là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Hội đồng xét xử miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị M: Chị Lò Thị M được ly hôn anh Quàng Văn X.

2. Về con chung: Giao hai cháu Quàng Văn L, sinh ngày 21/3/2013 và Quàng Thị Ng, sinh ngày 20/10/2015 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh X có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Đương sự không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị M.

5. Quyền kháng cáo: Chị Lò Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/7/2022). Anh Quàng Văn X vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân

sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện MA;
- Chi cục THADS huyện MA;
- UBND xã BL, h.MA
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Phương